

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 01- 2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tư.

Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Luận, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 552/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng L**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp kinh A, xã MPT, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Lê Văn C**, sinh năm 1983.

HKTT số nhà: Ấp 3, xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Ấp 4, xã PC, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt; anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị Hồng L trình bày: Chị và anh Lê Văn C chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MPT vào năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh C thường xuyên uống

rượu, không lo gia đình, nên vào năm 2013 chị dẫn con chung là cháu Lê Nhựt T về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Đến tháng 8 năm 2018 chị nộp đơn ly hôn, nhưng vì muốn tạo cơ hội cho anh C để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, anh C vẫn không thay đổi tính tình, vợ chồng vẫn sống ly thân cho đến nay. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lê Văn C.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Nhựt T, sinh ngày 05/11/2007, hiện nay cháu T đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cũng theo nguyện vọng của con. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 21/12/2018 bị đơn là anh Lê Văn C trình bày: Anh và chị L chung sống với nhau vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MPT. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và chị L đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị L yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Nhựt T, sinh ngày 05/11/2007. Nếu Tòa cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh Lê Văn C là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng L và anh Lê Văn C xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MPT vào năm 2008 là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai anh C trình bày mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên không đồng ý ly hôn với chị L. Nhận thấy lời trình bày của anh C là không có cơ sở, bởi lẽ từ khi Tòa án đình chỉ vụ án hôn nhân gia đình của anh chị vào tháng 9 năm 2018 cho đến nay anh C và chị L vẫn sống ly thân và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần cho chị L được ly hôn với anh C là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có một con chung tên Lê Nhựt T, sinh ngày 05/11/2007. Chị L và anh C đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu T hiện nay đã trên 12 tuổi, có nguyện vọng được sống với mẹ. Mặt khác, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay (có xác nhận của địa phương ngày 04/9/2018). Vì vậy, cần giao cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu T là phù hợp tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng L.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hồng L và anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nhựt T, sinh ngày 05/11/2007 cho chị Trần Thị Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn C không phải cấp dưỡng nuôi chung do chị L không yêu cầu.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 16187 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, như vậy chị đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã MPT, Tx.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Phan Minh Trâm